

Số: **4568** /SGDDĐT-QLT

Hà Nội, ngày **03** tháng **6** năm 2022

V/v thông báo các địa điểm tổ chức  
Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT  
năm học 2022-2023

Kính gửi:

- Giám đốc Công an Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông;
- Tổng Công ty Điện lực Thành phố;
- Chánh Thanh tra Thành phố;
- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã;
- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện, thị xã;
- Hiệu trưởng các trường trung học phổ thông công lập, ngoài công lập, hiệp quản;
- Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội thông báo các địa điểm tổ chức Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông (THPT) năm học 2022-2023 như sau:

1. Điểm thi Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2022-2023: gồm các Điểm thi Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập không chuyên và các Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT chuyên năm học 2022-2023 (kèm theo Phụ lục I và Phụ lục II).

2. Địa điểm làm phách bài thi tự luận: Trường Bồi dưỡng cán bộ quản lý Giáo dục Hà Nội, phố Mạc Thái Tổ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy.

3. Địa điểm chấm bài thi tự luận môn Toán không chuyên: Trường THPT Phan Đình Phùng, số 30 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, Hà Nội.

4. Địa điểm chấm bài thi tự luận môn Ngữ văn không chuyên: Trường THPT Chu Văn An, số 10 Phố Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội.

5. Địa điểm chấm bài thi tự luận các môn chuyên: Trường THPT Việt Đức, số 47 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

6. Địa điểm chấm bài thi trắc nghiệm: Trường Bồi dưỡng cán bộ quản lý Giáo dục Hà Nội, phố Mạc Thái Tổ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội thông báo các Điểm thi, địa điểm Ban Làm phách, các Ban chấm thi Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2022-2023 để các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

căn cứ chức năng nhiệm vụ đã được phân công xây dựng phương án đảm bảo cơ sở vật chất, an ninh trật tự, an toàn các địa điểm tổ chức các Kỳ thi trên địa bàn Thành phố./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c PCT UBND TP: Chử Xuân Dũng;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Các Phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quang Tuấn**

## Phụ lục I

### **DANH SÁCH CÁC ĐIỂM THI**

#### **KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT CÔNG LẬP KHÔNG CHUYÊN NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Công văn số 4568 /SGDDT-QLT ngày 03 / 6 /2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

| STT | Tên Điểm thi                   | Địa chỉ Điểm thi                                                              | Phòng thi | Phòng dự phòng |
|-----|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|
| 1   | THPT Nguyễn Trãi-Ba Đình       | Số 50 Nam Cao, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội                          | 27        | 2              |
| 2   | THCS Nguyễn Trãi-Ba Đình       | 25 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội                        | 15        | 2              |
| 3   | THPT Phạm Hồng Thái            | Số 1, Nguyễn Văn Ngọc, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội                   | 23        | 2              |
| 4   | THCS Thăng Long-Ba Đình        | Số 46A Nguyễn Văn Ngọc, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội                  | 30        | 2              |
| 5   | THPT Phan Đình Phùng           | Số 30 Phan Đình Phùng, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội                | 27        | 2              |
| 6   | THCS Nguyễn Tri Phương-Ba Đình | 67 Cửa Bắc, Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội                                       | 12        | 2              |
| 7   | THPT Ba Vì                     | Thôn 7, xã Ba Trại, huyện Ba Vì, Hà Nội                                       | 27        | 2              |
| 8   | THPT Bất Bạt                   | Thôn Khê Thượng, xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, Hà Nội                               | 16        | 2              |
| 9   | THPT Minh Quang                | Thôn Lặt, xã Minh Quang, huyện Ba Vì, Hà Nội                                  | 14        | 2              |
| 10  | THPT Ngô Quyền-Ba Vì           | Xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Hà Nội                                             | 21        | 2              |
| 11  | THCS Vạn Thắng-Ba Vì           | Thôn Mai Trai, Xã Vạn Thắng, Huyện Ba Vì, Hà Nội                              | 20        | 2              |
| 12  | THPT Quảng Oai                 | Số 288 đường Quảng Oai, thôn Hưng Đạo, Thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, Hà Nội | 25        | 4              |
| 13  | THCS Vật Lại-Ba Vì             | Thôn Vật Lại 3, Xã Vật Lại, Huyện Ba Vì, Hà Nội                               | 18        | 2              |
| 14  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Phố Võ Quý Huân, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội                   | 26        | 2              |
| 15  | THCS Phúc Diễn-Bắc Từ Liêm     | Đường Đức Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội                    | 27        | 2              |
| 16  | THPT Thượng Cát                | Đường Sùng Khang, phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội                 | 15        | 2              |
| 17  | THCS Thượng Cát-Bắc Từ Liêm    | Đường Kỳ Vũ, Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội                                  | 14        | 2              |
| 18  | THPT Xuân Đình                 | Số 178 đường Xuân Đình, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội            | 25        | 2              |

| STT | Tên Điểm thi                 | Địa chỉ Điểm thi                                                              | Phòng thi | Phòng dự phòng |
|-----|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|
| 19  | THCS Xuân Đình-Bắc Từ Liêm   | 188 Xuân Đình, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội                     | 22        | 2              |
| 20  | THCS Lê Quý Đôn-Cầu Giấy     | Phố Nguyễn Văn Huyền, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội                  | 34        | 2              |
| 21  | THCS Nam Trung Yên-Cầu Giấy  | Phố Nguyễn Chánh, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội                     | 29        | 2              |
| 22  | THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam | Đường Hoàng Minh Giám, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội                | 48        | 2              |
| 23  | THPT Cầu Giấy                | Số 8, ngõ 118 đường Nguyễn Khánh Toàn, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội | 28        | 2              |
| 24  | THCS Dịch Vọng-Cầu Giấy      | Số 186, đường Nguyễn Khánh Toàn, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội      | 28        | 2              |
| 25  | THPT Yên Hòa                 | Số 251 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội                    | 22        | 3              |
| 26  | THCS Yên Hòa-Cầu Giấy        | 226, Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội                        | 18        | 3              |
| 27  | THPT Chúc Động               | Xóm Bền, xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Hà Nội                                 | 34        | 2              |
| 28  | THCS Tốt Động-Chương Mỹ      | Xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Hà Nội                                          | 12        | 2              |
| 29  | THPT Chương Mỹ A             | Số 42, Yên Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội                    | 27        | 2              |
| 30  | THCS Ngô Sỹ Liên-Chương Mỹ   | Số 61, Tổ dân phố Hòa Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội         | 14        | 2              |
| 31  | THPT Chương Mỹ B             | Thôn Hòa Xá, xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội                         | 27        | 2              |
| 32  | THCS Đồng Phú-Chương Mỹ      | Thôn Hòa Xá, xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội                         | 14        | 2              |
| 33  | THCS Bê Tông-Chương Mỹ       | Thôn Xuân Trung, Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội                      | 12        | 2              |
| 34  | THPT Xuân Mai                | Tổ 5 khu Tân Bình, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội                 | 33        | 2              |
| 35  | THPT Nguyễn Văn Trỗi         | Xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội                                           | 29        | 2              |
| 36  | THPT Đan Phượng              | Số 19 phố Phan Đình Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội           | 31        | 2              |
| 37  | THPT Hồng Thái               | Số 319, Hồng Giang, xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội                      | 36        | 2              |
| 38  | THPT Tân Lập                 | Cụm 7, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Hà Nội                                   | 18        | 2              |
| 39  | THCS Tân Lập-Dan Phượng      | Số 21, đường Hạ Hội, Cụm 7, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Hà Nội              | 15        | 2              |

| STT | Tên Điểm thi                  | Địa chỉ Điểm thi                                                     | Phòng thi | Phòng dự phòng |
|-----|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|
| 40  | THPT Bắc Thăng Long           | Thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội                       | 23        | 2              |
| 41  | THCS Kim Chung-Đông Anh       | Thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội                      | 24        | 2              |
| 42  | THPT Cổ Loa                   | Thôn Trung Thôn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, Hà Nội                 | 24        | 2              |
| 43  | THCS Cổ Loa-Đông Anh          | Xóm Nhồi, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội                          | 20        | 2              |
| 44  | THPT Đông Anh                 | Tổ 8, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội                      | 24        | 2              |
| 45  | THCS Nguyên Khê-Đông Anh      | Xã Nguyên Khê -Huyện Đông Anh- Thành phố Hà Nội                      | 21        | 2              |
| 46  | THPT Liên Hà                  | Thôn Lỗ Khê, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội                      | 21        | 2              |
| 47  | THCS Việt Hùng-Đông Anh       | Thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, Hà Nội                   | 16        | 2              |
| 48  | THPT Vân Nội                  | Thôn Ba Chũr, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, Hà Nội                     | 22        | 2              |
| 49  | THCS Bắc Hồng-Đông Anh        | Thôn Bến Trung, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, Hà Nội                  | 17        | 2              |
| 50  | THPT Đống Đa                  | Số 10 ngõ Quan Thổ 1, phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, Hà Nội        | 26        | 2              |
| 51  | THCS Nguyễn Trường Tộ-Đống Đa | Số 28 ngõ 371 đường La Thành, Ô chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội        | 29        | 2              |
| 52  | THPT Kim Liên                 | Số 1 ngõ 4C, Phố Đặng Văn Ngữ, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội | 30        | 2              |
| 53  | THPT Lê Quý Đôn-Đống Đa       | Số 195 ngõ Xã Đàn 2, quận Đống Đa, Hà Nội                            | 24        | 2              |
| 54  | THCS Đống Đa-Đống Đa          | Số 28 Lương Định Của, quận Đống Đa, Hà Nội                           | 24        | 2              |
| 55  | THPT Quang Trung-Đống Đa      | Số 178 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội          | 31        | 2              |
| 56  | THCS Thái Thịnh-Đống Đa       | 131A Thái Thịnh, quận Đống Đa, Hà Nội                                | 20        | 2              |
| 57  | THPT Cao Bá Quát-Gia Lâm      | Số 57 đường Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội                             | 20        | 2              |
| 58  | THCS Cổ Bi-Gia Lâm            | Thôn Cam - Xã Cổ Bi - Huyện Gia Lâm - TP Hà Nội                      | 12        | 2              |
| 59  | THPT Dương Xá                 | Số 48 đường Ý Lan, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội                | 23        | 2              |
| 60  | THCS Kim Sơn-Gia Lâm          | Đường 181, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội                         | 22        | 2              |
| 61  | THPT Nguyễn Văn Cừ            | Thôn Thuận Tồn, xã Đa Tồn, huyện Gia Lâm, Hà Nội                     | 29        | 2              |

| STT | Tên Điểm thi                   | Địa chỉ Điểm thi                                                       | Phòng thi | Phòng dự phòng |
|-----|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|
| 62  | THCS thị trấn Trâu Quỳ-Gia Lâm | TDP An Đào, Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội                   | 20        | 2              |
| 63  | THPT Yên Viên                  | 18/670 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội            | 17        | 2              |
| 64  | THCS Thị Trấn Yên Viên-Gia Lâm | Số 12/670 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội         | 15        | 2              |
| 65  | THCS Đình Xuyên-Gia Lâm        | Thôn Đình Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội                  | 15        | 2              |
| 66  | THPT chuyên Nguyễn Huệ         | Số 560B đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội         | 40        | 4              |
| 67  | THCS Lê Quý Đôn-Hà Đông        | Lô TH-01, khu ĐTM Dương Nội, quận Hà Đông, Hà Nội                      | 33        | 2              |
| 68  | THCS Phú La-Hà Đông            | Đường Văn Phú, Phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội                     | 26        | 2              |
| 69  | THCS Trần Đăng Ninh-Hà Đông    | Khu tái định cư Ngô Thì Nhậm, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội | 23        | 2              |
| 70  | THCS Yên Nghĩa-Hà Đông         | Tổ 8, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Hà Nội                           | 33        | 2              |
| 71  | THPT Lê Quý Đôn-Hà Đông        | Số 4 phố Nhuệ Giang, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, T.P Hà Nội      | 30        | 2              |
| 72  | THPT Quang Trung-Hà Đông       | Ngõ 2 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội      | 26        | 2              |
| 73  | THCS Nguyễn Trãi-Hà Đông       | Số 2, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội   | 29        | 2              |
| 74  | THCS Phú Lương-Hà Đông         | Số 89, đường Phú Cường, tổ 6, phường Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội   | 24        | 2              |
| 75  | THPT Trần Hưng Đạo-Hà Đông     | Số 157 phố Xóm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Hà Nội                   | 25        | 2              |
| 76  | THPT Đoàn Kết-Hai Bà Trưng     | Số 174 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội       | 22        | 2              |
| 77  | THCS Ngô Quyền-Hai Bà Trưng    | 273 Ngõ Quỳnh, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội             | 23        | 2              |
| 78  | THPT Thăng Long                | Số 44 phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội                      | 20        | 3              |
| 79  | THCS Ngô Gia Tự-Hai Bà Trưng   | Ngõ 300 phố Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội                        | 16        | 2              |
| 80  | THPT Trần Nhân Tông            | Số 15 phố Hương Viên, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội      | 19        | 2              |
| 81  | THCS Lương Yên-Hai Bà Trưng    | Ngõ 63 phố Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội      | 18        | 2              |
| 82  | THCS Đoàn Kết-Hai Bà Trưng     | Số 27 Chùa Vua, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội              | 18        | 2              |

| STT | Tên Điểm thi                | Địa chỉ Điểm thi                                                        | Phòng thi | Phòng dự phòng |
|-----|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|
| 83  | THPT Hoài Đức A             | Thôn Yên Bê, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội                       | 33        | 2              |
| 84  | THPT Hoài Đức B             | Thôn Ngải Cầu, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội                      | 22        | 2              |
| 85  | THCS An Khánh-Hoài Đức      | Thôn Vân Lũng, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội                      | 18        | 2              |
| 86  | THPT Vạn Xuân-Hoài Đức      | Thôn 2 xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Hà Nội                               | 20        | 2              |
| 87  | THCS Yên Sở-Hoài Đức        | Thôn 2, xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Nội                               | 15        | 2              |
| 88  | THPT Hoài Đức C             | Thôn Phương Bảng, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, Hà Nội                | 16        | 2              |
| 89  | THCS Song Phương-Hoài Đức   | Thôn 3, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, Hà Nội                          | 18        | 2              |
| 90  | THPT Trần Phú-Hoàn Kiếm     | Số 8 Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội            | 22        | 2              |
| 91  | THCS Nguyễn Du-Hoàn Kiếm    | Số 44 Hàng Quạt, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội                | 30        | 2              |
| 92  | THPT Việt Đức               | Số 47 Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội      | 25        | 2              |
| 93  | THCS Ngô Sĩ Liên-Hoàn Kiếm  | Số 27 - 29 Phố Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội        | 23        | 2              |
| 94  | THPT Hoàng Văn Thụ          | Số 234 đường Lĩnh Nam, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội          | 22        | 2              |
| 95  | THCS Vĩnh Hưng-Hoàng Mai    | Số 146, ngõ 126 phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, Hà Nội | 18        | 2              |
| 96  | THCS Mai Động-Hoàng Mai     | Ngõ 13 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội          | 18        | 2              |
| 97  | THPT Trương Định            | Số 204 phố Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội              | 22        | 2              |
| 98  | THCS Tân Mai-Hoàng Mai      | Số 147 phố Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội              | 28        | 2              |
| 99  | THPT Việt Nam-Ba Lan        | Số 01 ngõ 48 đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội  | 15        | 2              |
| 100 | THCS Hoàng Liệt-Hoàng Mai   | Ngõ 2, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội                        | 25        | 2              |
| 101 | THPT Lý Thường Kiệt         | Tổ 12 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội                       | 16        | 2              |
| 102 | THCS Thượng Thanh-Long Biên | Tổ 12 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội                       | 15        | 2              |
| 103 | THPT Nguyễn Gia Thiều       | Số 27 ngõ 298 đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội   | 20        | 2              |

| STT | Tên Điểm thi                    | Địa chỉ Điểm thi                                                                        | Phòng thi | Phòng dự phòng |
|-----|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|
| 104 | THCS Gia Thụy-Long Biên         | Ngõ 562 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội                    | 18        | 2              |
| 105 | THPT Phúc Lợi                   | Tổ 4 phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội                                            | 28        | 2              |
| 106 | THCS Phúc Lợi-Long Biên         | Tổ 4, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội                                           | 17        | 2              |
| 107 | THPT Thạch Bàn                  | Tổ 12 phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội                                          | 31        | 2              |
| 108 | THCS Sài Đồng-Long Biên         | Số 11 ngõ 557 đường Nguyễn Văn Linh, quận Long Biên, Hà Nội                             | 20        | 2              |
| 109 | THPT Mê Linh                    | thôn Thường Lệ, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, Hà Nội                                     | 24        | 2              |
| 110 | THPT Quang Minh                 | Tổ 2 thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, Hà Nội                                           | 29        | 2              |
| 111 | THPT Tiên Phong                 | Thôn Trung Hậu, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội                                    | 25        | 2              |
| 112 | THPT Tiên Thịnh                 | Thôn Chu Trần, xã Tiên Thịnh, huyện Mê Linh, Hà Nội                                     | 22        | 2              |
| 113 | THPT Tự Lập                     | Thôn Phú Mỹ, xã Tự Lập, huyện Mê Linh, Hà Nội                                           | 12        | 2              |
| 114 | THPT Yên Lãng                   | Thôn Bông Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, Hà Nội                                       | 24        | 2              |
| 115 | THPT Hợp Thanh                  | Thôn Vải, xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức, Hà Nội                                            | 26        | 2              |
| 116 | THPT Mỹ Đức A                   | Tổ dân phố Văn Giang, TT Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, Hà Nội                                | 19        | 4              |
| 117 | THCS Tế Tiêu-Mỹ Đức             | Tổ dân phố Tế Tiêu, TT Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, Hà Nội                                  | 12        | 2              |
| 118 | THPT Mỹ Đức B                   | Thôn Tảo Khê, xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, Hà Nội                                            | 35        | 2              |
| 119 | THPT Mỹ Đức C                   | Thôn Đốc Tín, xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, Hà Nội                                          | 23        | 2              |
| 120 | THPT Đại Mỗ                     | Ngõ 8 đường Quang Tiến, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội                         | 22        | 2              |
| 121 | THCS Nguyễn Quý Đức-Nam Từ Liêm | Ngõ 8, đường Quang Tiến, tổ dân phố Giao Quang, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội | 16        | 2              |
| 122 | THPT Trung Văn                  | Phố Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội                                  | 16        | 2              |
| 123 | THCS Trung Văn-Nam Từ Liêm      | Đường Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội                             | 15        | 2              |
| 124 | THPT Xuân Phương                | Tổ 3, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội                                      | 20        | 2              |

| STT | Tên Điểm thi                 | Địa chỉ Điểm thi                                                               | Phòng thi | Phòng dự phòng |
|-----|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|
| 125 | THCS Nam Từ Liêm-Nam Từ Liêm | Số 26 phố Thị Cẩm, khu đô thị mới phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội | 16        | 2              |
| 126 | THPT Mỹ Đình                 | Đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội                      | 24        | 2              |
| 127 | THCS Mỹ Đình 1-Nam Từ Liêm   | Tổ dân phố số 3 đường Trần văn Lai, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội | 29        | 2              |
| 128 | THPT Đồng Quan               | Thôn Phượng Vũ, xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, Hà Nội                         | 29        | 2              |
| 129 | THPT Phú Xuyên A             | Tiểu khu Phú Mỹ, thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, Hà Nội                   | 23        | 2              |
| 130 | THCS Trần Phú-Phú Xuyên      | Tiểu khu Thao Chính, thị trấn Phú xuyên, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội            | 12        | 2              |
| 131 | THPT Phú Xuyên B             | Thôn Tri Thủy, xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, Hà Nội                            | 27        | 2              |
| 132 | THPT Tân Dân                 | Thôn Đại Nghiệp, xã Tân Dân, huyện Phú Xuyên, Hà Nội                           | 25        | 2              |
| 133 | THPT Ngọc Tảo                | Thôn 8, xã Ngọc Tảo, huyện Phúc Thọ, Hà Nội                                    | 40        | 2              |
| 134 | THPT Phúc Thọ                | Xã Vồng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Hà Nội                                          | 24        | 2              |
| 135 | THCS Vồng Xuyên B-Phúc Thọ   | Thôn Lục Xuân, xã Vồng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Hà Nội                           | 13        | 2              |
| 136 | THPT Vân Cốc                 | Thôn 6, xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ, Hà Nội                                     | 18        | 2              |
| 137 | THCS Hát Môn-Phúc Thọ        | Trường THCS Hát Môn, xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, Hà Nội                        | 12        | 2              |
| 138 | THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai    | Thôn Thổ Ngõa, xã Tân Hòa, huyện Quốc Oai, Hà Nội                              | 20        | 2              |
| 139 | THCS Cộng Hòa-Quốc Oai       | Thôn 1, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, Hà Nội                                    | 15        | 2              |
| 140 | THPT Minh Khai               | Thôn Định Tú, xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai, Hà Nội                               | 23        | 2              |
| 141 | THCS Hòa Thạch-Quốc Oai      | Thôn Bạch Thạch, xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai, Hà Nội                          | 19        | 2              |
| 142 | THPT Quốc Oai                | Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội                                      | 38        | 2              |
| 143 | THPT Phan Huy Chú-Quốc Oai   | Thôn Sài Khuê, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội                              | 31        | 2              |
| 144 | THPT Đa Phúc                 | Số 19, đường Núi đôi, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội                  | 24        | 2              |
| 145 | THCS Thị trấn-Sóc Sơn        | Tổ 3, Thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội                                  | 17        | 2              |

| STT | Tên Điểm thi                 | Địa chỉ Điểm thi                                                      | Phòng thi | Phòng dự phòng |
|-----|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|
| 146 | THPT Kim Anh                 | Thôn Kim Anh, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội                    | 21        | 2              |
| 147 | THCS Thanh Xuân-Sóc Sơn      | Kim Anh, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội                         | 12        | 2              |
| 148 | THPT Minh Phú                | Km9+500, Quốc lộ 35, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, Hà Nội               | 18        | 2              |
| 149 | THCS Minh Phú-Sóc Sơn        | Thôn Phú Hạ, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội             | 12        | 2              |
| 150 | THPT Sóc Sơn                 | Km số 1, Quốc lộ 2, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội                  | 16        | 2              |
| 151 | THCS Nguyễn Du-Sóc Sơn       | Km số 2, Quốc lộ 2, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội                  | 16        | 2              |
| 152 | THPT Trung Giã               | Phố Nĩ, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội                           | 18        | 2              |
| 153 | THCS Trung Giã-Sóc Sơn       | Phố Nĩ, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội                           | 12        | 2              |
| 154 | THPT Xuân Giang              | Khu Thá, xã Xuân Giang, huyện Sóc Sơn, Hà Nội                         | 18        | 2              |
| 155 | THCS Xuân Giang-Sóc Sơn      | Thôn Xuân Tảo, xã Xuân Giang, huyện Sóc Sơn, Hà Nội                   | 18        | 2              |
| 156 | THPT Sơn Tây                 | Số 57 đường Đền Và, Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, Hà Nội                | 36        | 2              |
| 157 | THCS Sơn Tây-Sơn Tây         | Phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội                            | 12        | 2              |
| 158 | THPT Tùng Thiện              | Số 20 phố Tùng Thiện, phường Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, Hà Nội          | 33        | 2              |
| 159 | THPT Xuân Khanh              | Số 175 đường Đá Bạc, Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, Hà Nội               | 18        | 2              |
| 160 | THPT Chu Văn An              | Số 10 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội                | 39        | 2              |
| 161 | THCS Ba Đình-Ba Đình         | Số 145 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội           | 24        | 2              |
| 162 | THCS Đông Thái-Tây Hồ        | Số 149 Trích Sài, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội                    | 23        | 2              |
| 163 | THCS Chu Văn An-Tây Hồ       | 17 Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội                                     | 24        | 2              |
| 164 | THCS Nguyễn Công Trứ-Ba Đình | Số 8 Nguyễn Trường Tộ, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội | 24        | 2              |
| 165 | THPT Tây Hồ                  | Số 41 phố Phú Thượng, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội          | 24        | 2              |
| 166 | THCS Phú Thượng-Tây Hồ       | 37, Phố Phú Gia, Phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội                    | 28        | 2              |
| 167 | THPT Bắc Lương Sơn           | Xóm Đình thôn 2, xã Yên Bình,                                         | 17        | 2              |

| STT | Tên Điểm thi                               | Địa chỉ Điểm thi                                                          | Phòng thi | Phòng dự phòng |
|-----|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|
|     |                                            | huyện Thạch Thất, Hà Nội                                                  |           |                |
| 168 | THPT Hai Bà Trưng-Thạch Thất               | Thôn Mục Uyên 1, xã Tân Xã, huyện Thạch Thất, Hà Nội                      | 21        | 2              |
| 169 | THCS Hạ Bằng-Thạch Thất                    | Thôn 3, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, Hà Nội                              | 15        | 2              |
| 170 | THPT Phùng Khắc Khoan-Thạch Thất           | Thôn Bình Xá, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, Hà Nội                       | 26        | 2              |
| 171 | THCS Bình Phú-Thạch Thất                   | Thôn Bình Xá, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, Hà Nội                       | 16        | 2              |
| 172 | THPT Thạch Thất                            | Số 120 đường 420 xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, Hà Nội                    | 32        | 2              |
| 173 | THCS Thạch Thất-Thạch Thất                 | Số 1 Khu Đồng Cam, Thị trấn Liên Quan, huyện Thạch Thất, Hà Nội           | 16        | 4              |
| 174 | THPT Nguyễn Du-Thanh Oai                   | Km 16+500, QL 21B, xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai, Hà Nội                    | 36        | 2              |
| 175 | THPT Thanh Oai A                           | Thôn Văn Quán, xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, Hà Nội                        | 26        | 2              |
| 176 | THCS Nguyễn Trữ-Thị trấn Kim Bài-Thanh Oai | Thôn Cát Động, thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, Hà Nội                  | 21        | 2              |
| 177 | THPT Thanh Oai B                           | Thôn Tê Quả, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, Hà Nội                         | 34        | 2              |
| 178 | THPT Ngọc Hồi                              | Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội                       | 27        | 2              |
| 179 | THPT Ngô Thi Nhậm                          | Xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội                                  | 23        | 2              |
| 180 | THCS Thanh Liệt-Thanh Trì                  | Số 55, đường 25m, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội                  | 22        | 2              |
| 181 | THPT Đông Mỹ                               | Xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội                                       | 18        | 2              |
| 182 | THCS Liên Ninh-Thanh Trì                   | Thôn Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Hà Nội                       | 15        | 2              |
| 183 | THPT Nguyễn Quốc Trinh                     | Thôn Đại Áng, xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội                         | 15        | 2              |
| 184 | THCS Đại Áng-Thanh Trì                     | Xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội                                       | 15        | 3              |
| 185 | THPT Nhân Chính                            | Phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội          | 17        | 2              |
| 186 | THCS Phan Đình Giót-Thanh Xuân             | Số 03 Nhân Hòa, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội          | 21        | 2              |
| 187 | THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân              | Ngõ 477 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội | 24        | 2              |

| STT | Tên Điểm thi                     | Địa chỉ Điểm thi                                                          | Phòng thi | Phòng dự phòng |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|
| 188 | THCS Việt Nam-Angiêri-Thanh Xuân | Số 7 đường Nguyễn Quý Đức, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội | 27        | 2              |
| 189 | THPT Khương Đình                 | Ngách 29/78 Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội        | 42        | 2              |
| 190 | THCS Khương Đình-Thanh Xuân      | Số 16, phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội         | 32        | 2              |
| 191 | THPT Lý Tử Tấn                   | Thôn Lộc Dư, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, Hà Nội                     | 34        | 2              |
| 192 | THPT Nguyễn Trãi-Thường Tín      | Thôn Thượng Đình, xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội                    | 28        | 2              |
| 193 | THPT Tô Hiệu-Thường Tín          | Thôn An Duyên, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, Hà Nội                       | 20        | 2              |
| 194 | THCS Tô Hiệu-Thường Tín          | Thôn An Duyên, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, Hà Nội                       | 14        | 2              |
| 195 | THPT Thường Tín                  | Tổ dân phố Trần Phú, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Hà Nội        | 18        | 2              |
| 196 | THCS Nguyễn Trãi A-Thường Tín    | 195 Trần Phú, Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Hà Nội               | 15        | 3              |
| 197 | THPT Vân Tảo                     | Số 34 Vân Hòa, xã Vân Tảo, huyện Thường Tín, Hà Nội                       | 18        | 3              |
| 198 | THCS Vân Tảo-Thường Tín          | Thôn Nỗ Bạ, Xã Vân Tảo, huyện Thường Tín, Hà Nội                          | 14        | 2              |
| 199 | THPT Đại Cường                   | Xóm 25, thôn Kim Giang, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, Hà Nội               | 12        | 2              |
| 200 | THPT Lưu Hoàng                   | Thôn Ngoại Hoàng, xã Lưu Hoàng, huyện Ứng Hòa, Hà Nội                     | 16        | 2              |
| 201 | THPT Trần Đăng Ninh              | Thôn Miêng Hạ, xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hoà, Hà Nội                          | 29        | 2              |
| 202 | THPT Ứng Hòa A                   | Số 175 Nguyễn Thượng Hiền, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, Hà Nội       | 27        | 2              |
| 203 | THPT Ứng Hòa B                   | Thôn Đồng Xung, xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, Hà Nội                        | 20        | 2              |

**Phụ lục II**

**DANH SÁCH CÁC ĐIỂM THI**  
**KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN**  
**NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Công văn số **4568**/SGDDĐT-QLT ngày **03/6/2022** của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

| Buổi thi  | Trường THPT       | Tên Điểm thi                   | Môn thi | Số phòng thi | Số phòng thi | Ghi chú          | Địa chỉ                                                 |
|-----------|-------------------|--------------------------------|---------|--------------|--------------|------------------|---------------------------------------------------------|
| Sáng 20/6 | Chuyên HN-AMS     | THCS Lê Quý Đôn - Cầu Giấy     | Văn     | 14           | 23           |                  | Phố Nguyễn Văn Huyền, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy    |
|           |                   |                                | Sinh    | 9            |              |                  |                                                         |
|           |                   | THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam | Toán    | 17           | 36           |                  | Hoàng Minh Giám, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy        |
|           |                   |                                | Tin     | 7            |              |                  |                                                         |
|           |                   |                                | Pháp    | 4            |              |                  |                                                         |
|           |                   |                                | Trung   | 3            |              | Thi bằng T. Nhật |                                                         |
|           |                   |                                | Trung   | 1            |              | Thi bằng T. Đức  |                                                         |
|           |                   |                                | Trung   | 1            |              | Thi bằng T. Hàn  |                                                         |
|           |                   |                                | Nga     | 1            |              | Thi bằng T. Nhật |                                                         |
|           |                   |                                | Nga     | 1            |              | Thi bằng T. Đức  |                                                         |
|           |                   |                                | Nga     | 1            |              | Thi bằng T. Hàn  |                                                         |
|           | CHU VĂN AN        | THCS Ba Đình                   | Văn     | 21           | 26           |                  | Số 145 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình     |
|           |                   |                                | Pháp    | 5            |              |                  |                                                         |
|           |                   | THPT Chu Văn An                | Toán    | 13           | 33           |                  | Số 10, Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ         |
|           |                   |                                | Tin     | 10           |              |                  |                                                         |
|           |                   |                                | Sinh    | 10           |              |                  |                                                         |
|           | Chuyên NGUYỄN HUỆ | THCS Lê Quý Đôn-Hà Đông        | Văn     | 20           | 30           |                  | Lô TH-01, khu ĐTM Dương Nội, Quận Hà Đông               |
|           |                   |                                | Sinh    | 10           |              |                  |                                                         |
|           |                   | THPT chuyên Nguyễn Huệ         | Toán    | 20           | 36           |                  | Số 560B, Đường Quang Trung, Phường La Khê, Quận Hà Đông |
|           |                   |                                | Tin     | 11           |              |                  |                                                         |
|           |                   |                                | Pháp    | 1            |              | Thi bằng T. Hàn  |                                                         |
|           |                   |                                | Pháp    | 1            |              | Thi bằng T. Nhật |                                                         |
|           |                   |                                | Pháp    | 1            |              | Thi bằng T. Đức  |                                                         |

| Buổi thi   | Trường THPT       | Tên Điểm thi                   | Môn thi | Số phòng thi | Số phòng thi | Ghi chú          | Địa chỉ                                                        |
|------------|-------------------|--------------------------------|---------|--------------|--------------|------------------|----------------------------------------------------------------|
|            | SON TÂY           |                                | Pháp    | 1            |              | Thi bằng T. Pháp |                                                                |
|            |                   |                                | Nga     | 1            |              | Thi bằng T. Nhật |                                                                |
|            |                   |                                | Văn     | 5            |              |                  |                                                                |
|            |                   |                                | Toán    | 4            |              |                  |                                                                |
|            |                   | THPT Sơn Tây                   | Sinh    | 5            | 19           |                  | Số 57 đường Đền Và - Phường Trung Hưng - Thị xã Sơn Tây        |
|            |                   |                                | Tin     | 5            |              |                  |                                                                |
|            |                   |                                |         |              |              |                  |                                                                |
|            |                   |                                |         |              |              |                  |                                                                |
| Chiều 20/6 | Chuyên HN-AMS     | THCS Lê Quý Đôn - Cầu Giấy     | Lý      | 12           | 29           |                  | Phố Nguyễn Văn Huyền, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy           |
|            |                   |                                | Hóa     | 11           |              |                  |                                                                |
|            |                   |                                | Sử      | 6            |              |                  |                                                                |
|            |                   | THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam | Địa     | 6            | 46           |                  | Hoàng Minh Giám, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy               |
|            |                   |                                | Anh     | 36           |              |                  |                                                                |
|            |                   |                                | Trung   | 3            |              | Thi bằng T. Anh  |                                                                |
|            |                   |                                | Nga     | 1            |              | Thi bằng T. Anh  |                                                                |
|            | CHU VĂN AN        | THPT Chu Văn An                | Anh     | 35           | 35           |                  | Số 10, Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ                |
|            |                   | THCS Chu Văn An - Tây Hồ       | Anh     | 11           | 24           |                  | Số 17 Thụy Khuê, Phường Thụy Khê, Quận Tây Hồ                  |
|            |                   |                                | Hóa     | 13           |              |                  |                                                                |
|            |                   | THCS Nguyễn Công Trứ - Ba Đình | Lý      | 7            | 19           |                  | Số 8 Nguyễn Trường Tộ, Phường Nguyễn Trung Trứ, Quận Ba Đình   |
|            |                   |                                | Sử      | 6            |              |                  |                                                                |
|            |                   |                                | Địa     | 6            |              |                  |                                                                |
|            | Chuyên NGUYỄN HUỆ | THCS Trần Đăng Ninh - Hà Đông  | Lý      | 12           | 19           |                  | Khu tái định cư Ngô Thi Nhậm, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông |
|            |                   |                                | Sử      | 7            |              |                  |                                                                |
|            |                   | THCS Phú La - Hà Đông          | Hóa     | 19           | 25           |                  | Đường Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông                     |
|            |                   |                                | Địa     | 6            |              |                  |                                                                |
|            |                   | THCS Lê Quý Đôn – Hà Đông      | Anh     | 30           | 30           |                  | Lô TH01-khu ĐTM Dương Nội, Quận Hà Đông                        |
|            |                   | THPT chuyên Nguyễn Huệ         | Anh     | 31           | 37           |                  | Số 560B, Đường Quang Trung, Phường La Khê, Quận Hà Đông        |
|            |                   |                                | Nga     | 2            |              | Thi bằng T. Anh  |                                                                |

| Buổi<br>thi | Trường<br>THPT | Tên Điểm thi | Môn<br>thi | Số<br>phòng<br>thi | Số<br>phòng<br>thi | Ghi chú                    | Địa chỉ                                                       |
|-------------|----------------|--------------|------------|--------------------|--------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------|
|             |                |              | Pháp       | 4                  |                    | <i>Thi bằng<br/>T. Anh</i> |                                                               |
|             | SON TÂY        | THPT Sơn Tây | Lý         | 3                  | 29                 |                            | Số 57 đường Đèn Và -<br>Phường Trung Hưng -<br>Thị xã Sơn Tây |
|             |                |              | Hóa        | 4                  |                    |                            |                                                               |
|             |                |              | Anh        | 9                  |                    |                            |                                                               |
|             |                |              | Sử         | 6                  |                    |                            |                                                               |
|             |                |              | Địa        | 7                  |                    |                            |                                                               |